Tính chất và niên đại của các di tích công xưởng chế tác công cụ đá giai đoạn hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí ở Tây Nguyên

Lê Xuân Hưng*

Trường Đại học Đà Lạt

Ngày nhận bài 30/8/2019; ngày chuyển phản biện 3/9/2019; ngày nhận phản biện 30/9/2019; ngày chấp nhận đăng 4/10/2019

Tóm tắt:

Nghiên cứu tính chất của các di tích công xưởng chế tác rìu bôn đá ở Tây Nguyên thực chất là xem xét mức độ chuyên hóa của từng khu vực thông qua 3 công đoạn: khai thác nguyên liệu; sơ chế hình dáng và hoàn thiện sản phẩm. Việc xác định chuẩn xác di tích nào thuộc loại hình công xưởng, di tích cư trú - xưởng hay cư trú - xưởng - mộ táng mới ở mức độ tương đối nhưng vẫn cho phép thấy được sự phân công lao động nhất định trong thời tiền sử. Nghiên cứu so sánh niên đại tương đối và tuyệt đối của các công xưởng cho biết về diễn trình lịch đại của các văn hóa tiền sử ở Tây Nguyên. Bài viết này nghiên cứu và phân loại 45 di tích công xưởng, đưa ra những nhận xét về 3 loại hình công xưởng chế tác công cụ đá thời tiền sử ở Tây Nguyên.

Từ khóa: **công xưởng chế tác đá, Đá mới, Kim khí, kinh tế nguyên thủy, tiền sử Tây Nguyên.**

Chỉ số phân loại: **5.9**

Mở đầu

Nghiên cứu về hoạt động thủ công chế tác công cụ đá là nghiên cứu về một loại hình kinh tế thời nguyên thủy. Nói cách khác, đây là nghiên cứu một ngành sản xuất trong xã hội tiền sử, như: các công đoạn và quy trình sản xuất; nhu cầu xã hội và mức độ đáp ứng của các công xưởng trong việc thỏa mãn nhu cầu tiêu thụ... Qua tư liệu thám sát và khai quật các di tích công xưởng; ứng dụng các phương pháp của khoa học tự nhiên để xác định nguồn gốc nguyên liệu và công cụ đá [1] đã bước đầu phác thảo được diện mạo của các di tích công xưởng từ quy trình chế tác công cụ, các sản phẩm đặc trưng và mối quan hệ của các di tích công xưởng trong không gian tiền sử ở Tây Nguyên. Tuy vậy, đây vẫn là vấn đề khoa học cần tiếp tục nghiên cứu hiện nay.

Tư liệu cho biết, vào giai đoạn hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí ở Tây Nguyên đã đồng loạt ra đời các di tích công xưởng chế tác công cụ đá và hình thành các trung tâm công xưởng, như: Trung tâm chế tác bôn hình răng trâu Ia Mơr - Làng Krông (Gia Lai); Trung tâm chế tác rìu có vai H'lang (Gia Lai); Trung tâm chế tác rìu có vai bằng đá opal ở Chư K'tur - Taipêr (Gia Lai - Đắk Lắk); Nhóm di tích công xưởng Suối Bốn (Đắk Nông); Trung tâm chế tác rìu tứ giác đá opal Thôn Bốn - Hoàn Kiếm (Lâm Đồng) [2]. Ngoài những nét chung, ở mỗi trung tâm lại tạo ra những sắc thái riêng mang tính vùng; có sự chuyên hoá theo từng công đoạn trong quy trình chế tác công cụ [2]. Trong mỗi trung tâm hay nhóm di tích đảm nhận một hoặc hai công đoạn trong quy trình chế tác; tính chất xưởng cũng không giống nhau giữa các trung tâm hay nhóm di tích. Điều này lý giải, vào giai đoạn hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí ở Tây Nguyên đã diễn ra sự phân công lao động mà ở đó sự phân công vượt ra khỏi bộ tộc, mở rộng ra các bộ tộc liền kề và có thể cả liên vùng. Đây là các yếu tố tích cực tác động đến sự phát triển sản xuất; các hoạt động nơi công xưởng là một trong những yếu tố đã tạo nên "sự thống nhất trong đa dạng" về văn hoá của các cộng đồng cư dân tiền sử Tây Nguyên.

Trong phạm vi bài viết, chúng tôi sẽ đưa ra các dẫn liệu của một số di tích công xưởng tiêu biểu nhằm phân tích, minh giải cho tính chất, niên đại của từng loại hình di tích công xưởng chế tác công cụ đá ở Tây Nguyên; vai trò của các di tích công xưởng trong diễn trình lịch sử giai đoạn tiền - sơ sử ở Tây Nguyên.

Tính chất các di tích công xưởng

Dựa trên kết quả nghiên cứu và phân loại các di tích có dấu vết của hoạt động chế tác công cụ đá, chúng tôi chia các di tích công xưởng thành 3 loại hình có tính chất khác nhau sau đây:

Loại hình di tích công xưởng

Đến nay, trên địa bàn Tây Nguyên đã phát hiện và nghiên cứu được 20/45 di tích công xưởng chế tác công cụ đá, gồm: Ia Mơr, Ngầm Ia Mơr, H'lang 1, 2, 3, 4, 5 và 6, Tư Lương, Soi Tre (Gia Lai); Thanh Sơn, Bản Thái, Chư K'tur (Đắk

*Email: hunglx@dlu.edu.vn

Characteristics and dating of stone-tool-making workshop sites in the post-neolithic-early metal age in the Central Highlands

Xuan Hung Le*

Dalat University

Received 30 August 2019; accepted 4 October 2019

Abstract:

Examining the characteristics of stone ax-making workshop sites in the Central Highlands is basically considering the level of specialisation of each area through three steps: exploiting raw materials; preliminary forming of shapes, and finishing products. Determining precisely which relics belong to the factory type, relic of residence - workshop, or residence - workshop - burial site is only at a relative level but still suggests us about a fundamental division of labour in prehistoric times. Comparative research on relative and absolute dating of factories uncover the historical process of prehistoric cultures in the Central Highlands. Based on studying and classifying 45 factory relics, this article gives evaluations on three types of the prehistoric stone-tool-making workshop relics in the Central Highlands.

Keywords: **Metal Age, Neolithic Age, prehistory of the Central Highlands, primitive economy, stone-tool-making workshop.**

Classification number: **5.9**

Lắk); Thôn Bảy, Suối Bốn 1, 2 (Đắk Nông); Gan Thi 1, Gan Thi 2, Hoàn Kiếm, Phúc Hưng (Lâm Đồng). Tính chất công xưởng chế tác công cụ đá ở đây rất đặc trưng, những dấu vết liên quan đến hoạt động cư trú lâu dài mờ nhạt và mang tính tạm thời. Thông thường, trong các di tích chỉ diễn ra những hoạt động chế tác đồ đá là chính.

Từ kết quả thám sát và khai quật ghi nhận ở những di tích này chỉ tìm thấy những phế phẩm của quy trình chế tác công cụ, như: phế vật công cụ, mảnh tước, mảnh tách, hạch đá, đá nguyên liệu… Phác vật hoàn thiện ở đây rất hiếm, có lẽ những thành phẩm phác vật hoàn thiện đã chuyển đến một địa điểm khác tiếp tục ghè tu chỉnh và rồi trao đổi trong nội bộ cộng đồng hoặc ngoài cộng đồng. Những di tích, di vật như rìu mài, bàn mài, hòn kê, gốm mảnh, tàn tích bếp, lỗ chân cột, di cốt động vật… là dấu vết liên quan trực tiếp đến hoạt động cư trú rất mờ nhạt hoặc không tìm thấy. Đây là tiêu chí quan trọng để xem xét tính chất xưởng cũng như công đoạn xưởng chế tác đá thời nguyên thủy.

Để lý giải cho chức năng và tính chuyên hóa qua các công đoạn chế tác công cụ ở loại hình này có thể xem xét các di tích như: Thanh Sơn, Bản Thái (Đắk Lắk), Gan Thi, Hoàn Kiếm, Phúc Hưng (Lâm Đồng), H'lang 2 (Gia Lai), Thôn Bảy, Suối Bốn 2 (Đắk Nông). Thông thường, ở những di chỉ này phát hiện được rất nhiều khối đá có dấu vết ghè tách mảnh, hạch đá, phác vật còn rất thô và kém định hình; mảnh tước lớn và còn lưu lại vỏ đá tự nhiên (cấp 1). Hay, lại có những địa điểm không có hoặc có rất ít hạch đá, đá nguyên liệu; ít phác vật hoàn thiện. Di vật thu được chủ yếu là phế vật công cụ (thường bị gãy ngang thân hoặc vỡ xéo đốc) hoặc hàng vạn mảnh tước các loại. Những mảnh tước cũng không giống nhau trong các địa điểm. Với di tích công xưởng cấp 1, mảnh tước thường lớn (4-6 cm), các mảnh tước nhiều phần còn lưu lại vỏ đá tự nhiên; công xưởng cấp 2, mảnh tước lớn và trung bình (2-4 cm) nhưng phần nhiều không còn vỏ đá tự nhiên; công xưởng cấp 3, phần lớn các mảnh tước nhỏ - mảnh tước thứ (dưới 2 cm), có khi là vảy tước - là sản phẩm của kỹ thuật tu chỉnh ép.

Kết quả khai quật di tích Hoàn Kiếm, xã Nam Hà (Lâm Hà, Lâm Đồng) đầu năm 2008 [3] cho thấy rất rõ đặc điểm trên. Trong 2 hố khai quật với tổng diện tích là 31 m^2 đã thu được 10.273 di vật đá.

- Hố 1 rộng 6 m^2, tầng văn hóa mỏng; tổng số đồ đá có 367 di vật, gồm: 7 phác vật rìu tứ giác; 7 phế vật rìu; 30 hạch đá; 53 đá nguyên liệu (41 đá opal, 12 đá khác) và 270 mảnh tước; không phát hiện gốm tiền sử.

- Hố 2 có diện tích là 25 m^2, tầng văn hóa dày trung bình 20-25 cm, ken dày đặc các mảnh tước, đá nguyên liệu, phác vật cuốc, phác vật rìu tứ giác; gốm thô chỉ có 1 mảnh. Hiện vật thu được là 9.906 đồ đá các loại, không phát hiện gốm tiền sử. Trong đó, nhóm di vật có vết chế tác hoặc sử dụng có 131 di vật, gồm: 45 phác vật công cụ, 86 phế vật công cụ; các loại hình di vật có phác vật rìu bôn tứ giác, di vật chưa định hình, nhóm phác vật dạng hình dao hái. Nhóm phế liệu có 9.775 di vật, gồm: 1.557 hạch đá và 739 đá nguyên liệu; 7.160 mảnh tước, phiến tước, 319 đá khác. Về chất liệu có 9.456 là đá opal, còn lại 319 mảnh là các chất liệu khác. Về kích thước mảnh tước có: 3.218 mảnh nhỏ dưới 3 cm, 2.905 mảnh có kích thước 3-6 cm, 1.037 mảnh lớn hơn 6 cm. Về loại hình, đáng chú ý ở đây có một số mảnh tước dạng hình học, có dấu tu chỉnh: 22 mảnh tước hình tam giác, có một đầu nhọn; 16 mảnh hình tứ giác; 7 mảnh hình đa giác có một rìa cạnh tu chỉnh; 14 phiến tước hình chữ nhật và 9 phiến tước dạng lá. Di tích Hoàn Kiếm là công xưởng khai thác và sơ chế các phác vật rìu (công xưởng cấp 1) rồi xuất xưởng đi nơi khác để tu chỉnh tiếp, hoàn thiện, mài và xuất xưởng.

Nhìn chung, dựa vào các loại hình hiện vật trong từng

di tích có thể ghi nhận đây là các di tích công xưởng; nơi diễn ra các hoạt động chế tác công cụ là chính. Mỗi di tích đại diện cho một công đoạn nhất định trong quy trình chế tác công cụ lao động của cư dân tiền sử. Mặc dù ở loại hình công xưởng này vẫn tồn tại yếu tố cư trú như: xuất hiện gốm mảnh, đồ trang sức, rìu mài hoàn thiện nhưng không nhiều; các gốm mảnh thường vỡ vụn, gốm thô, lớp áo gốm bong tróc và dễ ngấm nước. Gốm ít và mật độ thấp đã minh chứng tính chất cư trú mờ nhạt và tạm thời; chủ nhân của những công xưởng có lẽ cư trú ở các vùng lân cận; còn ở công xưởng chỉ diễn ra các hoạt động thủ công chế tác.

Loại hình di tích cư trú - xưởng

Trên đất Tây Nguyên có các di tích cư trú - xưởng, như: Tsham A (Đắk Lắk); Ia Nhin 2, Đồng Hải, Làng Krông, Đắk Giang, Ia Boòng, Suối Đội 7, Suối Bích, Làng Róh, B'Riêng (Gia Lai); Suối Bốn 3, 4 (Đắk Nông) và các địa điểm ở Thôn Bốn, Phúc Hưng (Lâm Đồng). Trong đó, di tích Thôn Bốn, Phúc Hưng (Lâm Hà, Lâm Đồng), Chư K'tur (Đắk Lắk) có quy mô rất lớn và đã được khai quật; hiện vật thu được nhiều và phong phú nhất hiện biết ở Tây Nguyên; yếu tố cư trú đậm nhạt khác nhau giữa các di tích. Ở những di tích này đã thu được đồ gốm, rìu mài có dấu sử dụng, một số công cụ được chế tác lại (thanh xuân hoá công cụ), công cụ mảnh tước, đồ trang sức; các dụng cụ sản xuất như bàn mài, hòn ghè…, hay các dấu vết bếp, lỗ chân cột.

Kết quả điều tra, thám sát và khai quật một số di tích này cho thấy chúng có sự tương đồng về chất liệu, kích thước, loại hình sản phẩm và kỹ thuật chế tác thống nhất trong mỗi công xưởng, trung tâm hoặc nhóm công xưởng. Tính chất xưởng của loại hình di tích này thể hiện rõ trong sưu tập hiện vật đá thu được. Ở đây, ngoài công cụ mài, phác vật, phế vật công cụ, bàn mài thì còn thu được khối lượng lớn mảnh tước; mảnh tước thường có kích thước trung bình và nhỏ. Trong các công xưởng rất hiếm hiện vật nguyên vẹn, những tiêu bản thu được hầu hết bị gãy, vỡ hay lỗi kỹ thuật không thể tiếp tục chế tác; những di vật hoàn thiện chắc chắn đã đưa đi trao đổi.

Khai quật di tích Chư K'tur ở buôn Sê Đăng, xã Xuân Phú (Ea Kar, Đắk Lắk) cuối năm 2002 [4] với 2 hố (tổng diện tích là 150 m^2) đã thu được 87 rìu bôn (56 chiếc nguyên và 31 chiếc bị vỡ); 107 phác vật, hầu hết là đá opal, có 1 tiêu bản bằng đá silex (73 phác vật rìu bôn và 34 phác vật sơ chế); 12 hạch đá, đều là đá opal, có kích thước vừa và nhỏ; 63 bàn mài (61 chiếc là sa thạch, 2 chiếc gỗ hoá thạch); 1 cưa đá; 1 kiếm đá; 6.167 mảnh tước, phiến tước (5.761 mảnh là đá opal, 127 mảnh thạch anh, 120 mảnh sa thạch và phiến sét bột kết, 93 mảnh phtanite, 66 mảnh đá khác) - đây là công xưởng cấp 2. Đồ gốm thu được trong di tích không nhiều, trong hố khai quật có 340 mảnh gốm thô, phân bố rời rạc trong hố khai quật và trong cụm gốm của một số cá thể. Dấu vết cư trú tìm thấy trong di tích nhưng tính chất xưởng đậm nét hơn.

Kết quả khai quật di tích Thôn Bốn ở xã Gia Lâm (Lâm Hà, Lâm Đồng) năm 2006 cũng thể hiện rõ tính cung đoạn và tính chất cư trú - xưởng nơi đây [5]. Trong hố khai quật có diện tích 52 m^2 (8,0 m x 6,5 m) đã thu được 7.860 đồ đá và 127 mảnh gốm tiền sử. Trong đó:

- Đồ đá có 7.860 di vật, gồm: những di vật có dấu vết chế tác hoặc sử dụng 249 di vật [94 phác vật rìu (21 nguyên, 73 vỡ), 40 hạch đá, 9 rìu mài, 5 mảnh rìu, 10 bàn mài, 1 lưỡi cưa, 2 hòn ghè, 8 viên đá ghè tròn, 12 hòn nghiền, 24 công cụ mảnh tước, 4 phác vật vòng, 8 mảnh vòng, 2 viên đá in hình lá cây và 30 cục thổ hoàng]. Nhóm phế liệu có 7.609 mảnh tước (6.858 mảnh đá opal, 513 mảnh basalt, 123 mảnh phtanite, 115 mảnh đá khác).

- Đồ gốm có 127 mảnh, mật độ thấp (2,4 mảnh/m^2), phân bố rải rác ở các độ sâu khác nhau. Gốm ở đây là gốm thô, bở; đất sét pha nhiều cát và bã thực vật.

Những người khai quật cho rằng, Thôn Bốn và các địa điểm khác ở thôn Bốn (Gia Lâm, Lâm Hà) là di tích cư trú - xưởng [6]. Yếu tố di chỉ cư trú (rìu đá, bàn mài, hòn ghè, vòng tay và đồ gốm) chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với số lượng hạch đá, các phác vật rìu, mảnh tước và dụng cụ chế tác đá.

Ngoài những di tích nêu trên, ở Tây Nguyên còn có các di tích Buôn Kiều (Đắk Lắk) [7], Thôn Tám (Đắk Nông) [8], Làng Gà (Gia Lai) [2] được đoán định thuộc giai đoạn trung kỳ Đá mới, nhưng ở lớp muộn và trên bề mặt di tích các nhà khảo cổ đã phát hiện những mảnh tước có chất liệu đá opal và những công cụ rìu mài toàn thân. Đây là những di vật đặc trưng cho giai đoạn hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí ở Tây Nguyên. Tính chất di tích ở đây cũng là cư trú - xưởng chế tác đồ đá.

Loại hình cư trú - xưởng - mộ táng

Loại hình di tích cư trú - xưởng - mộ táng ở Tây Nguyên hiện biết có các di tích Thôn Bảy [9], Taipêr [10] và Làng Ngol [11] (Gia Lai). Các di tích có phạm vi phân bố rộng, tầng văn hoá dày và được bảo tồn khá nguyên vẹn. Ở các di tích này vừa diễn ra các hoạt động cư trú rõ nét, như: gốm xuất hiện nhiều, công cụ mài chiếm tỷ lệ đáng kể trong sưu tập, tìm thấy các di tồn bếp…, đặc biệt là ở đây tìm thấy những công cụ mài đã qua sử dụng, chúng bị mẻ, gãy nên được tu chỉnh lại và tiếp tục sử dụng; được bảo tồn trong một tầng văn hoá thống nhất, ổn định.

Kết quả khai quật di tích Taipêr cho thấy, dấu vết cư trú thể hiện rõ trong nhóm di vật. Đó là, sự có mặt với số lượng lớn công cụ đá đã qua lao động, như: 77 rìu mài toàn thân, 90 mảnh rìu, 501 bàn mài, 14 lưỡi cưa, 21 công cụ mảnh tước. Sưu tập Làng Ngol cũng có kết quả tương tự: 56 rìu, 25 bôn, 1 cuốc, 2 đục, 5 cưa đá, 7 công cụ mũi nhọn, 45 công cụ mảnh tước, 106 bàn mài, 2 hòn ghè, 2 vòng trang sức, 1.872 mảnh tước... Mật độ gốm trong Taipêr khá cao, 125 m^2 thu được 12.058 mảnh (mật độ 80 mảnh/m^2); phân bố ở mọi độ sâu và ở khắp các hố khai quật.

Nhìn chung, kết quả khai quật di tích Taipêr, Lạng Ngol, Thôn Bảy cho thấy chúng có mối quan hệ mật thiết với các di tích công xưởng và cư trú khác trên địa bàn Gia Lai và có mối quan hệ với các di chỉ Chư K'tur, Thanh Sơn, Bản Thái và Tsham A (Đắk Lắk). Phác vật rìu có vai ở đây thường có kích thước nhỏ, nhiều vết ghè lại lưỡi. Các tư liệu đã minh chứng, những di tích cư trú - xưởng chế tác công cụ đá này đảm nhận công đoạn gia công, tu chỉnh hoàn thiện; họ nhận phác vật đã qua sơ chế từ nơi khác rồi tiếp tục hoàn thiện, mài rồi sử dụng và trao đổi. Số lượng rìu mài phát hiện nhiều, những phác vật rìu bôn, mảnh tước, các loại bàn mài chuyên dụng, lưỡi cưa đá, hòn ghè phong phú là minh chứng hết sức rõ ràng cho hoạt động của công xưởng như ghè đẽo hoàn chỉnh phác vật, ghè tu chỉnh, mài hoàn thiện công cụ rìu bôn.

Đồng thời với yếu tố cư trú, xưởng chế tác thì ở đây còn xuất hiện mộ táng. Hình thức mai táng trong các di chỉ là mộ đất và mộ vò nhỏ, chưa thấy mộ chum lớn (ở di tích Taipêr tồn tại đồng thời mộ chum và cả mộ đất). Đồ tuỳ táng là các đồ gốm như bát bồng, vò nhỏ tô đen ánh chì hay rìu đá. Các mộ táng tìm thấy trong hố khai quật ở các di tích cùng nằm trên một bình tuyến, nghĩa là cùng niên đại; cùng có di vật mang đặc trưng vết tích văn hoá nơi cư trú, nghĩa là những mộ táng ở đây chính là chủ nhân của các di tích công xưởng [2]. Đồ tuỳ táng chôn theo là công cụ đá và đồ gốm bằng số lẻ (1 nồi gốm và 7 rìu đá), đồ tuỳ táng là rìu có vai đã qua sử dụng.

Niên đại các di tích công xưởng

Niên đại tương đối

Như đã trình bày, ở Tây Nguyên đã phát hiện 45 di tích công xưởng chế tác đồ đá, trong đó có 10 di tích đã khai quật. Nhưng, hầu hết các di tích chưa có điều kiện xác định niên đại tuyệt đối (C^{14}). Dựa vào đặc trưng di tích và di vật, nghiên cứu địa tầng cho thấy các di tích công xưởng này chia thành hai giai đoạn sớm muộn khác nhau. Những di tích sớm có nhóm công xưởng Thôn Tám (Đắk Nông), nhóm di tích ở Làng Gà (Gia Lai), di tích Buôn Kiều (Đắk Lắk). Trong địa tầng lớp sớm các di tích này đã thu được tổ hợp công cụ rìu hình bầu dục, hình bàn là, hình đĩa, hình rìu ngắn, rìu mài lưỡi và công cụ mảnh, đá đục lỗ giữa, hòn kê, bàn mài, chày nghiền, hòn ghè… chủ yếu làm từ đá basalt, kích thước nhỏ, ghè đẽo tạo lưỡi bằng kỹ thuật ghè 2 mặt, một vài chiếc rìu hình bầu dục có dấu mài lưỡi. Những công cụ này khác với công cụ văn hóa Hòa Bình - Bắc Sơn, nhưng chúng gợi lại kỹ thuật Hòa Bình - Bắc Sơn. Đặc trưng hiện vật của các di tích trên có nét gần gũi với các di tích Bầu Dũ (Quảng Nam), Eo Bồng (Phú Yên) và Gia Canh (Đồng Nai). Trong đó, di chỉ Bầu Dũ được phân tích niên đại C^{14} cho kết quả 5.500 năm BP [2]. Những di tích này được đoán định là Đá mới giữa hay trung kỳ Đá mới. Nhưng cần lưu ý, ở lớp mặt các di tích Buôn Kiều và Thôn Tám đã phát hiện được những công cụ hoặc mảnh tước đá opal, số lượng rất ít đã gợi ý về hai giai đoạn Đá mới giữa ở dưới và hậu kỳ Đá mới với đặc trưng công xưởng chế tác rìu bôn đá opal ở trên.

Các di tích công xưởng chế tác rìu bôn tứ giác, rìu bôn có vai bằng đá opal và bôn răng trâu bằng đá phtanit đều đã phát triển tới đỉnh cao kỹ thuật ghè đẽo, tu chỉnh, cưa và mài. Trong các di tích này chưa xuất hiện kim loại. Đồ gốm có mặt nhưng số lượng rất ít, chưa xuất hiện gốm khắc vạch hoặc gốm tô màu.

Từ phân tích trên, tác giả cho rằng, các di tích công xưởng chế tác công cụ đá nêu trên thuộc giai đoạn hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí hay Đá mới muộn trong phân kỳ tiền sử Tây Nguyên của PGS.TS Nguyễn Khắc Sử [12]. Từ 19 mẫu C^{14} di chỉ Lung Leng (Kon Tum) ở lớp Đá mới muộn có tuổi trung bình là 3.000-3.500 năm BP [13] được xem là mẫu chuẩn để so sánh và dự đoán niên đại cho các di tích công xưởng khác ở Tây Nguyên.

Niên đại tuyệt đối

Việc xác định niên đại tuyệt đối cho các công xưởng còn gặp rất nhiều khó khăn; các nhà khảo cổ học thường nghiên cứu địa tầng, đặc trưng loại hình di tích và di vật; so sánh đối chiếu với các di chỉ đồng đại để đoán định niên đại tương đối cho di tích. Cũng chính có đặc trưng loại hình di tích công xưởng mà vấn đề lấy mẫu phân tích niên đại tuyệt đối là không dễ dàng. Phần lớn các di chỉ không phát hiện mẫu; bản thân tác giả cũng trực tiếp tham gia thám sát và khai quật một số công xưởng nhưng việc lấy mẫu cũng không thực hiện được. Với số lượng mẫu hạn chế, chúng tôi đã gửi đi giám định C^{14} tại Trung tâm hạt nhân TP Hồ Chí Minh, số lượng mẫu 5 nhưng chỉ 2 mẫu đủ chuẩn, kết quả được trình bày ở bảng 1 [1].

Bảng 1. Niên đại tuyệt đối của văn hoá Lung Leng (Kon Tum).

Số TT	Tên mẫu, lớp độ sâu và chất liệu mẫu	Niên đại (truyền thống) cách ngày nay	Niên đại hiệu chỉnh (tr. công nguyên)
1	99LL.H2-3, lớp 3, độ sâu 90 cm. Mẫu than	2.990±70 BP	1.400-1.200 BC
2	01LLHC7L3, lớp 3. Mẫu than	2.370±80 BP	760-400 BC
3	01LLHC7L3e1, hố C7, lớp 3, ô e1. Mẫu than	2.480±55 BP	800-540 BC
4	01LLHC7L4e2, hố C7, lớp 4, ô e2. Mẫu than	2.530±70 BP	900-540 BC
5	01LLHC7L5c8, hố C7, lớp 5, ô c8. Mẫu than	2.860±70 BP	1.290-1.040 BC
6	01LLHC7L6c10, hố C7, lớp 6, ô c10. Mẫu than	3.140±65 BP	1.610-1.410 BC
7	01LLHC7L7, hố C7, lớp 7. Mẫu than	3.410±85 BP	1.950-1.690 BC
8	01LLHC2L2, hố C2, lớp 2. Mẫu than	2.730±60 BP	1.050-840 BC
9	01LLHC2L3(i-k)6, hố C2, lớp 3, ô (i-k)6. Mẫu than	2.360±85 BP	760-400 BC
10	01LLHC2L6M4, hố C2, lớp 6. Mẫu than	3.220±105 BP	1.740-1.450 BC
11	01LLHC2L6M5, hố C2, lớp 6. Mẫu than	3.110±80 BP	1.600-1.320 BC
12	01LLHC2L6M5(c-d)10, hố C2, lớp 6, ô (c-d)10. Mẫu than	3.510±110 BP	2.140-1.770 BC
13	01LLHC12L7M4l3, hố C12, lớp 7 mộ 4, ô l3. Mẫu than	3.120±85 BP	1.610-1.390 BC
14	01LLHD1L5:218, hố D1, lớp 5, độ sâu 2,18 m. Mẫu than	3.130±95 BP	1.620-1.390 BC
15	01LLGH5-6L3:1, hố GH 5-6, lớp 3, độ sâu 1 m. Mẫu than	2.860±105 BP	1.320-1.000 BC
16	01LLH17L4M2, hố 17, lớp 4. Mẫu than	2.310±65 BP	770-430 BC
17	01LLHK7L3(e-g)7, hố K7, lớp 3, ô (e-g)7. Mẫu than	3.410±120 BP	2.030-1.680 BC
18	01LLHC11L2, hố C11, lớp 2. Mẫu than	2.150±60 BP	380-200 BC
19	01LLHC9L8c8, hố C9, lớp 8, ô c8. Mẫu than	2.080±60 BP	350-80 BC

- Mẫu mang ký hiệu: 06.T4.L4.D5 loại mẫu than; toạ độ mẫu L4.D5, độ sâu lớp 4, ô D5; kết quả có tuổi 4.880±350 năm BP. Mẫu than được lấy trong hố khai quật di tích Thôn Bốn, Gia Lâm, Lâm Hà (Lâm Đồng).

- Mẫu mang ký hiệu: 12.PH.TS2.L3 loại mẫu than, toạ độ mẫu TS2.L3; độ sâu lớp 3; kết quả có tuổi 2.890±180 năm BP. Mẫu than được lấy trong hố thám sát di tích Phúc Hưng, Tân Hà, Lâm Hà (Lâm Đồng).

Các di tích tiêu biểu cho giai đoạn hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí ở Lung Leng (Kon Tum) là những chiếc bôn hình răng trâu giống hệt bôn cùng loại tìm thấy ở công xưởng chế tác bôn răng trâu Làng Krông và Làng B'Riêng (Chư Prông, Gia Lai); những chiếc rìu có vai bằng đá opal cả về kích thước, hình dáng lẫn kỹ thuật chế tác giống hệt sản phẩm tìm thấy trong các công xưởng Chư K'tur (Đắk Lắk), Taipêr và H'Lang (Gia Lai)... Trong khi ở Kon Tum, cho đến nay vẫn chưa tìm thấy công xưởng chuyên chế tác hai loại công cụ tiêu biểu trên. Có 19/25 mẫu niên đại C^{14} phân tích ở các hố khai quật khác nhau nhưng đều ở mức chứa rìu có vai bằng đá opal và bôn răng trâu bằng đá phtanit cho tuổi từ 4.500-2.500 năm BP (bảng 1).

Thông qua hệ thống niên đại C^{14}; kết quả phân tích, so sánh loại hình di tích, di vật, chúng tôi cho rằng, giai đoạn hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí ở Tây Nguyên có điểm khởi đầu khoảng 5.000 năm và kéo dài đến khoảng 3.000 năm BP. Tuy vậy, nhiều khả năng các hoạt động công xưởng chế tác công cụ đá chỉ thực sự diễn ra mạnh từ khoảng trên dưới 4.000-3.000 năm BP.

Kết luận

Nghiên cứu này trình bày những đặc trưng về tính chất của các di tích công xưởng ở Tây Nguyên. Trong bài viết, tác giả đã kế thừa tất cả những tư liệu điều tra, thám sát và khai quật của những người đi trước, cố gắng hệ thống tư liệu nhằm làm nổi bật tính chất của hệ thống di tích công xưởng ở Tây Nguyên. Theo đó, có thể thấy rõ với Trung tâm công xưởng H'lang chuyên chế tác rìu bôn vai xuôi bằng đá opal; Trung tâm Ia Mơr - Làng Krông chuyên chế tác rìu vai xuôi và bôn răng trâu chủ yếu bằng đá phtanite, ít đá opal và silic; Trung tâm Chư K'tur - Taipêr chuyên chế tác rìu bôn có vai, rìu thắt eo bằng đá opal và Trung tâm Thôn Bốn - Hoàn Kiếm chuyên chế tác rìu bôn tứ giác, nguyên liệu chế tác gần như tuyệt đối là đá opal.

Từ những kết quả nghiên cứu có thể thấy rằng, vào giai đoạn hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí ở Tây Nguyên có sự tách rời một cách tương đối giữa di chỉ cư trú với di tích công xưởng chế tác công cụ rìu, bôn bằng đá lửa và đá opal; hay công xưởng với mộ táng. Tuy nhiên, trong phần lớn các di tích công xưởng vẫn tồn tại những di tồn văn hoá liên quan đến cư trú nhưng mức độ đậm nhạt có khác nhau. Sự đa dạng về loại hình di tích ở Tây Nguyên được thể hiện qua các loại hình di chỉ khác như: thuần cư trú, thuần mộ táng, cư trú - mộ táng, cư trú - xưởng, cư trú - xưởng và mộ táng. Các di tích cư trú thường phân bố xung quanh khu vực công xưởng. Những di chỉ này tạo thành hệ thống dạng làng cổ và tạo nên những nét văn hoá đặc trưng cho từng hệ thống.

Mặc dù hệ thống niên đại tuyệt đối về các di tích xưởng chế tác công cụ đá ở Tây Nguyên còn hạn chế nhưng qua phân tích loại hình cũng như địa tầng, nghiên cứu so sánh với các di tích có cùng chung đặc trưng về di tích, di vật và đưa ra khung niên đại cho các di tích như hiện nay là hợp lý. Mẫu niên đại tuyệt đối tuy còn hạn chế nhưng cho khung tuổi phù hợp với những đoán định. Đây là nguồn tư liệu quan trọng để đánh giá sự thống nhất trong đa dạng về văn hoá của tiểu vùng và toàn vùng ở Tây Nguyên. Chúng tôi thống nhất rằng, bước vào giai đoạn hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí là giai đoạn lan toả và hội nhập văn hoá; các văn hoá tiền sử ở Tây Nguyên được hình thành và tạo ra cho mình những sắc thái riêng nhưng "thống nhất trong đa dạng".

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Lê Xuân Hưng, Trần Ngọc Diệu Quỳnh, Trần Quang Thiện (2015), "Ứng dụng phương pháp kích hoạt Neutron và thống kê đa biến trong nghiên cứu di vật đá thời tiền sử ở Tây Nguyên", *Tạp chí Khảo cổ học*, **3**, tr.19-30.

[2] Lê Xuân Hưng (2015), *Các di tích công xưởng chế tác công cụ đá giai đoạn hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Đồng thau ở Tây Nguyên,* Luận án tiến sĩ Khảo cổ học, Tư liệu Học viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

[3] Bùi Chí Hoàng (2010), "Di chỉ khảo cổ học Hoàn Kiếm (Lâm Đồng)", *Tạp chí Khảo cổ học*, **5**, tr.35-49.

[4] Nguyễn Gia Đối, Lê Hải Đăng (2007), "Di chỉ xưởng Chư K'tu và hệ thống công xưởng chế tác đá opal ở Tây Nguyên", *Tạp chí Khảo cổ học*, **1**, tr.15-25.

[5] Lê Xuân Hưng (2011), "Các di tích công xưởng ở Lâm Đồng: Tư liệu và nhận thức", *Tạp chí Khảo cổ học*, **6**, tr.12-22.

[6] Trần Văn Bảo, Lê Xuân Hưng (2006), *Báo cáo kết quả di chỉ - xưởng Thôn Bốn (Gia Lâm, Lâm Hà, Lâm Đồng)*, Tư liệu Khoa Sử, Trường Đại học Đà Lạt.

[7] Lê Hải Đăng, Nguyễn Gia Đối (2008), "Nhận thức về thời đại Đá mới ở Tây Nguyên qua khai quật di chỉ Thôn Tám", *Tạp chí Khảo cổ học,* **1**, tr.18-29.

[8] Nguyễn Mạnh Thắng và cộng sự (2015), *Báo cáo sơ bộ kết quả khai quật khảo cổ học di tích Buôn Kiều (xã Yang Mao, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk),* Tư liệu Bảo tàng Lịch sử Quốc gia.

[9] Bùi Văn Liêm, Nguyễn Gia Đối, Mai Thị Cúc (2004), *Khai quật di chỉ Làng Ngol - Gia Lai*, Tư liệu Viện Khảo cổ học.

[10] Nguyễn Khắc Sử, Phan Thanh Toàn (2007), "Khai quật di chỉ xưởng Taipêr (Gia Lai), tư liệu, nhận thức và thảo luận", *Tạp chí Khảo cổ học,* **5**, tr.18-30.

[11] Bùi Văn Liêm (2004), "Kết quả khai quật di chỉ Thôn Bảy (Gia Lai)", *Tạp chí Khảo cổ học,* **3**, tr.35-57.

[12] Nguyễn Khắc Sử (2007), *Khảo cổ học Tiền sử Tây Nguyên*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[13] Nguyễn Quang Miên (2005), "Những niên đại C^{14} di chỉ Lung Leng", *Tạp chí Khảo cổ học,* **5** (137), tr.95-101.